TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG	CỘNG NGỌC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03/2025/QĐST- VDS	*Hải Phòng, ngày 13 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Quang Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm, công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 05/2025/TLST-VDS ngày 23/10/2025 về việc: Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 01/2025/QĐST-VLĐ ngày 30/10/2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên họp số 01/TB-TA ngày 05/11/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị L, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Miếu Lãng, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Hoàng Thị Hoài N, sinh năm 1998. Nơi đăng ký thường trú và cư trú: Số 6 B274 tổ 8 T, phường H, thành phố Hải Phòng.

+ Công ty TNHH B; địa chỉ: Cụm Công nghiệp BH, phường A, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Choi W- Tổng Giám đốc.

+ Công ty TNHH May TL; địa chỉ: Khu công nghiệp N, phường A, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Chan I, chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị V- Chức vụ: Giám đốc hành chính nhân sự.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở H; Địa chỉ: Số x đường T, phường H, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quý Q- Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn K- chức vụ: Phó Giám đốc.

(Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Tại đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu bà Trần Thị L trình bày:

Bà và bà Hoàng Thị Hoài N có quan hệ họ hàng. Năm 2015, do không hiểu biết nên bà cho bà N mượn giấy chứng minh nhân dân để bà N làm hồ sơ việc làm. Sau đó, bà N xin việc và ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH B (ở Cụm Công nghiệp B, phường A, thành phố Hải Phòng), tên người lao động là Trần Thị L. Bà N làm việc và được Công ty TNHH B (sau đây viết tắt là công ty B) đóng bảo hiểm theo quy định từ

tháng 5/2015 đến tháng 9/2015, mã số sổ bảo hiểm xã hội là 30140054xx mang tên Trần Thị L. Tuy nhiên, thực tế khoảng thời gian đó bà L đang làm công nhân tại Công ty TNHH May TL (sau đây viết tắt là công ty may TL), thực hiện việc đóng bảo hiểm với cùng mã số sổ bảo hiểm xã hội là 30140054xx, bà không làm việc tại Công ty B.

Nhận thức được việc cho bà N mượn hồ sơ tư pháp của mình để ký kết hợp đồng lao động với Công ty B là gian dối, vi phạm nguyên tắc trung thực khi ký kết hợp đồng lao động, nên bà L đã làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố: Hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty B với người lao động Trần Thị L (do bà N ký và làm việc) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định của pháp luật.

2. Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Bà Hoàng Thị Hoài N thừa nhận việc đã mượn hồ sơ tư pháp của bà Trần Thị L để đi xin việc. Tháng 5/2015, bà ký hợp đồng lao động với Công ty B với tên Trần Thị L. Bà không nói cho công ty biết. Bà N làm việc tại công ty B và được công ty đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ, dưới tên người lao động Trần Thị L, số sổ bảo hiểm 30140054xx. Đến giữa tháng 9/2015 bà nghỉ việc tại Công ty B và chưa nhận bất kì khoản tiền nào do Cơ quan bảo hiểm chi trả. Nay bà L đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa Công ty B và bà Trần Thị L (do bà ký) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu- bà hoàn toàn nhất trí bởi việc làm của bà là không đúng.

2.2. Công ty B xác định: Ngày 14/5/2015, Công ty B và bà Trần Thị L ký hợp đồng lao động số B-H019xx/HD ngày 14/5/2015, theo đó người lao động Trần Thị L (mã nhân viên: H019xx) vào làm việc tại công ty từ tháng 5/2015 và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định. Đến tháng 9/2015, vì lý do cá nhân nên bà L đã nghỉ việc. Công ty đã ra Quyết định số 986/QĐ-B ngày 14/10/2015 vv chấm dứt Hợp đồng lao động với bà Trần Thị L. Bà L được hưởng các chế độ theo quy định của công ty và không có khiếu nại, thắc mắc gì. Nay bà L và bà N khẳng định người ký hợp đồng lao động và làm việc tại công ty B là bà N, bà L đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động số B-H019xx/HD ngày 14/5/2015 đã ký kết giữa Công ty B và người lao động Trần Thị L là vô hiệu, giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Công ty đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ người lao động, chấp nhận yêu cầu của bà L theo quy định của pháp luật, Công ty không có ý kiến gì.

2.3. Công ty May TL trình bày: Bà Trần Thị L ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty May TL từ ngày 23/5/2014 đến ngày 15/3/2023, công ty thực hiện việc đóng bảo hiểm, trả lương,… đầy đủ cho người lao động Trần Thị L trong thời gian làm việc tại công ty, mã số sổ bảo hiểm xã hội 30140054xx, không ai có ý kiến, khiếu nại, kiến nghị gì. Công ty không biết việc bà N mượn hồ sơ của bà L để giao kết và vào làm việc tại Công ty B, chỉ biết khi nhận được văn bản của Tòa án. Vậy, nay đối với yêu cầu của bà L, công ty đề nghị giải quyết theo pháp luật, đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bên, Công ty May TL chấp hành quyết định của Tòa án và cơ quan Bảo hiểm xã hội.

2.4. Bảo hiểm xã hội cơ sở H cung cấp: Căn cứ vào dữ liệu hệ thống quản lý thu-sổ thẻ, quá trình thời gian tham gia BHXH, BHYT, BHTN của bà Trần Thị L, mã số BHXH là 30140054xx, cơ quan BHXH quản lý thu và hiện trạng cấp chốt sổ BHXH, như sau:

+ Quá trình tham gia từ tháng 6/2014 - 02/2023 tại Công ty May TL, do BHXH tỉnh H (cũ) quản lý, đã được in cấp sổ BHXH ngày 18/8/2014 và in tờ rời từ tháng 6/2014 - 12/2018;

+ Quá trình tham gia từ tháng 5/2015 - 9/2015 tại Công ty B, do BHXH thành phố H (cũ) quản lý, không có thông tin cấp tờ rời đối với quá trình trên. Trùng quá trình đóng tại Công ty May TL.

Căn cứ dữ liệu Hệ thống quản lý chính sách của ngành, BHXH cơ sở H thông tin về quá trình thụ hưởng các chế độ BHXH, BHTN, như sau:

+ Đối với quá trình làm việc và đóng BHXH tại Công ty B: Không có dữ liệu thụ hưởng các chế độ BHXH, BHTN, BHTNLĐ-BNN;

+ Đối với quá trình làm việc và đóng BHXH tại Công ty May TL: Có dữ liệu thụ hưởng các chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe; không có dữ liệu thụ hưởng các chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, không có dữ liệu thụ hưởng các chế độ BHXH một lần, BHTN,…

Đối với yêu cầu của bà L, BHXH cơ sở H đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ việc. Sau khi có kết luận của Tòa án, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, BHXH cơ sở H sẽ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên họp:

Các đương sự đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng xác định Thẩm phán, thư ký phiên họp, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự. Đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 401, 402 BLTTDS năm 2015, Điều 117, Điều 127, 132 BLDS 2005, Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994 (sửa đổi các năm 2002, 2006, 2007), điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019), khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326 của UBTV Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị L: Tuyên bố hợp đồng lao động B-H019xx/HD ngày 14/5/2015 giữa bà Trần Thị L (do bà Hoàng Thị Hoài N và Công ty B là vô hiệu toàn bộ. Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu toàn bộ: Thoái thu số tiền bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH 30140054xx trong thời gian từ tháng 5/2015 đến tháng 9/2015 tại Công ty B. Hoàn trả cho Công B số tiền thoái thu bảo hiểm theo quy trình thoái thu của Bảo hiểm xã hội. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng nhận định:

[1] Về Tố tụng:

- **Về thẩm quyền giải quyết**: Bà Trần Thị L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Trần Thị L và Công ty TNHH B là vô hiệu. Xét thấy nơi giao kết và nơi thực hiện hợp đồng là tại phường A, thành phố H, tỉnh H nay là phường A, thành phố Hải Phòng. Do đó, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, những người này đều đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu:

Quá trình giải quyết vụ việc, có căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2015 đến tháng 9/2015, người lao động Trần Thị L giao kết hợp đồng lao động với Công ty B và được Công ty B tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội: 30140054xx. Tuy nhiên, bà L, bà N thừa nhận bà L cho bà N mượn hồ sơ tư pháp, giấy chứng minh nhân dân để bà N xin việc làm và người ký hợp đồng lao động, người thực tế làm việc tại Công ty B trong khoảng thời gian trên không phải là bà L mà là bà N.

Xét thấy, lời khai của bà L, bà N phù hợp với văn bản cung cấp thông tin của Công ty B, Công ty May TL, Bảo hiểm xã hội cơ sở H. Theo đó, trong khoảng thời gian từ tháng 5/2015 đến tháng 9/2015, người lao động bà Trần Thị L đang giao kết hợp đồng lao động và thực tế làm việc tại Công ty May TL và được Công ty May TL đóng bảo hiểm đầy đủ, với mã số BHXH 30140054xx. Người ký kết Hợp đồng lao động số B-H019xx ngày 14/5/2015 với Công ty B trong khoảng thời gian tháng 5/2015 đến tháng 9/2015 là bà N, không phải là bà L. Đây là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực và nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động. Hợp đồng được ký kết không đúng về chủ thể. Do đó có căn cứ xác định hợp đồng lao động số B-H019xx ngày 14/5/2015 là vô hiệu, theo quy định tại các Điều 121, 122, 127, 128 và 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 15, Điều 17, khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, Điều 50, Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2012. Yêu cầu của bà L đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động giữa người lao động tên Trần Thị L (do bà N ký) và Công ty B là vô hiệu là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu:

Quá trình bà N làm việc tại Công ty B theo hợp đồng lao động số B-H019xx ngày 14/5/2015, Công ty B tham gia đóng bảo hiểm từ tháng 5/2015 đến tháng 9/2015 tên người lao động Trần Thị L theo sổ BHXH số 30140054xx. Cùng thời gian này, bà L đang thực tế làm việc tại Công ty May TL và được công ty May TL tham gia đóng bảo hiểm đầy đủ, mã số BHXH: 30140054xx. Như vậy, người lao động Trần Thị L có thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội ở hai công ty, từ tháng 5/2015 đến tháng 9/2015. Tính đến thời điểm giải quyết chưa ai được thụ hưởng các chế độ bảo hiểm. Bà L đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Xét thấy, như trên đã phân tích có căn cứ xác định hợp đồng lao động số B-H019xx ngày 14/5/2015 là vô hiệu toàn bộ, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ ngày xác lập giao dịch. Căn cứ vào hợp đồng lao động, ý kiến của các đương sự và tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ việc, thấy: Người lao động (bà N) và người sử dụng lao động (Công ty B) khi ký kết hợp đồng lao động đã thống nhất thỏa thuận mức lương chính (cơ bản) là 3.050.000đồng/tháng; về đóng bảo hiểm xã hội: người lao động trích nộp 10,5% theo lương cơ bản; công ty B trích nộp 22%

theo lương cơ bản. Theo đó, tổng số tiền bảo hiểm Công ty B đã đóng cho người lao động Trần Thị L (thực tế là bà N làm việc) trong khoảng thời gian từ tháng 5/2015 đến tháng 9/2015 (05 tháng) là 22% x 3.050.000đ/tháng x 5 tháng= 3.355.000đồng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người tham gia BHXH, căn cứ khoản 5 Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự, cần phải hoàn trả cho Công ty B số tiền bảo hiểm đã đóng cho bà N (đứng tên người lao động Trần Thị L) từ tháng 5/2015 đến hết tháng 9/2015 (5 tháng) tại sổ BHXH số 30140054xx.

[3]. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị L phải chịu lệ phí sơ thẩm việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37 của Nghị quyết 326 và Luật phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401 và 402 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 121, 122, 127, 128, 132 và 137 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 15, 16, 17, 50 và 51 Bộ luật Lao động năm 2012; Luật phí, lệ phí; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Trần Thị L.

1.1. Tuyên bố hợp đồng lao động số B-H019xx/HD ngày 14/5/2015 ký giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH B với người lao động bà Trần Thị L (do bà Hoàng Thị Hoài N ký và làm việc) là vô hiệu toàn bộ.

1.2. Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ:

Hoàn trả cho Công ty TNHH B số tiền bảo hiểm đã đóng cho bà Hoàng Thị Hoài N (đứng tên người lao động Trần Thị L) từ tháng 5/2015 đến hết tháng 9/2015 (5 tháng) tại số sổ bảo hiểm xã hội: 30140054xx theo tỷ lệ và quy trình của Bảo hiểm xã hội, tổng là 3.355.000đồng (*Ba triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Sau khi quyết định giải quyết việc dân sự này có hiệu lực pháp luật, các bên liên quan liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở H để giải quyết theo thẩm quyền.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000đồng tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền số 0003987 ngày 16/10/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà L đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm việc lao động.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà án ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 - HP;
- Phòng THADS khu vực 8 – Hải Phòng;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trịnh Thị Ngọc Mai